TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 37/2026/QĐST-TCDS	*Quảng Trị, ngày 13 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án";

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 89/2026/TLST-TCDS ngày 22 tháng 5 năm 2026,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1957

Nơi cư trú: thôn P (nay là thôn P), xã P, tỉnh Quảng Trị;

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1951

Nơi cư trú: thôn P (nay là thôn P), xã P, tỉnh Quảng Trị;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1959

Nơi cư trú: thôn P (nay là thôn P), xã P, tỉnh Quảng Trị;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hàng thừa kế: Các bên đương sự thống nhất hàng thừa kế của ông Nguyễn M (chết năm 1992) và bà Trương Thị Ó (chết năm 2020) gồm có 03 người con gồm: bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị P. Ngoài ra ông M, bà Ó không

còn người con nào khác, không có con nuôi.

- Về di sản thừa kế:

Các bên đương sự thống nhất, di sản thừa kế của ông Nguyễn M và bà Trương Thị Ó để lại gồm:

+ Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 56, diện tích 1145m^2 tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Nay là thôn P, xã P, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số BĐ 552774, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH07681, do UBND huyện Q cấp ngày 25/11/2011 cho bà Trương Thị Ó, có giá trị là 750.000.000 đồng;

+ 02 ngôi nhà cấp bốn xây từ năm 1974 (đã xuống cấp) và 01 chuồng bò (đã hư hỏng) không còn giá trị; một số cây trồng trên đất không có giá trị.

- Về phân chia di sản thừa kế: Các bên đương sự thống nhất phân chia di sản thừa kế nói trên như sau:

+ Giao cho bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng 1/3 diện tích của thửa đất số 15, tờ bản đồ số 56 tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Nay là thôn P, xã P, tỉnh Quảng Trị) tương ứng với phần diện tích đất S1 là 381.7m^2 (Trong đó: đất ở 66.7m^2, đất trồng cây hàng năm khác 315m^2); tài sản gắn trên đất gồm 01 chuồng bò (đã hư hỏng) và các loại cây trồng (cây chuối) trên phần đất S1. Tổng giá trị là 250.000.000 đồng.

+ Giao cho bà Nguyễn Thị V được quyền sử dụng 2/3 diện tích đất còn lại của thửa đất số 15, tờ bản đồ số 56 tại thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Nay là thôn P, xã P, tỉnh Quảng Trị) tương ứng với phần diện tích đất S2 là 763.3m^2 (Trong đó: đất ở 133.3m^2, đất trồng cây hàng năm khác 630m^2); tài sản gắn liền trên đất gồm 02 nhà cấp bốn (đã xuống cấp) và các loại cây trồng trên phần diện tích đất S2. Tổng giá trị là 500.000.000 đồng.

(Chiều dài, tứ cận phần diện tích đất S1 và S2 giao cho bà N, bà V được quyền sử dụng thể hiện tại sơ đồ bản vẽ kèm theo)

- Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị N phải nộp 6.250.000 đồng tiền án phí để nộp vào ngân sách nhà nước nhưng bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, miễn án phí cho bà Nguyễn Thị N;

+ Bà Nguyễn Thị V phải nộp 12.000.000 đồng tiền án phí để nộp vào ngân sách nhà nước nhưng bà V là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, miễn án phí cho bà Nguyễn Thị V.

- Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 7.000.000 đồng. Các đương sự thỏa thuận bà Nguyễn Thị V nộp 4.700.000 đồng; bà Nguyễn Thị N nộp 2.300.000 đồng (Bà N và bà V đã nộp đầy đủ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Phòng THADS khu vực 3;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Tưởng Thị Hà